

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1117/GDĐT-TrH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2015

V/v sơ kết hoạt động sinh hoạt
chuyên môn qua trang
web

leg: *Thầy Đặng Diên Đào*
Cô Nguyễn Thuỳ Liên
Mil



Kính gửi:

- Trường phòng Giáo dục và Đào tạo các quận huyện;
- Hiệu trưởng các trường THPT

Thực hiện văn bản số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về triển khai có hiệu quả việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn trong trường trung học qua trường học trực tuyến và văn bản số 3825/GDĐT-TrH về tập huấn tổ chức và triển khai các hoạt động chuyên môn của trường trung học qua hệ thống mạng internet, qua việc nắm tình hình triển khai thực tế, Sở GDĐT sơ kết hoạt động trên như sau:

I- Tình hình triển khai thực tế:

- Các Phòng GDĐT quận huyện và trường THPT tích cực triển khai các yêu cầu chung: đăng nhập tài khoản trường và khai báo thông tin, cấp tài khoản cho giáo viên, vận động giáo viên kích hoạt tài khoản của cá nhân và tham gia các hoạt động sinh hoạt chuyên môn (SHCM) qua mạng do Bộ GDĐT tổ chức theo yêu cầu bước đầu triển khai của Sở. Một số trường cấp luôn tài khoản cho học sinh để giáo viên có thể xây dựng hoạt động của lớp giảng dạy thông qua trang web.

- Tình hình số liệu thực tế triển khai như sau: (số liệu tính đến ngày 09/4/2015)

a- CẤP THPT:

Số trường THPT được cấp tài khoản	195	
Số trường THPT đăng nhập tài khoản	160	
Số trường chưa đăng nhập tài khoản	35 (theo Danh sách bên dưới)	
Số trường chỉ đăng nhập, chưa cấp tài khoản cho giáo viên	4	THPT Phước Long; TiH, THCS, THPT Tây Úc; THPT Hoa Sen, THPT Trần Cao Vân.
Số trường cấp dưới 5 tài khoản cho Giáo viên	14	THPT Mạc Đĩnh; THPT Sao Việt; THPT - THCS Duy Tân; THPT Trần Quốc Tuấn; THPT Phùng Hưng; THPT Phú Nhuận; THCS,

		THPT Việt Mỹ; THPT Bắc Ái; THPT Hai Bà Trưng; THPT An Dương Vương; THPT Nhân Việt; THCS, THPT Nam Việt; THPT Trí Đức; THPT Đông Dương
Số trường THPT có tham gia các lớp SHCM		73
Tổng số lớp SHCM các trường tham gia		349
Tổng số sản phẩm đã nộp		104
Các trường THPT tham gia nhiều lớp SHCM		
Trần Hưng Đạo	36 lớp	27 sản phẩm nộp
Hàn Thuyên	32 lớp	3 sản phẩm nộp
Nguyễn Thượng Hiền	27 lớp	17 sản phẩm nộp
Marie Curie	23 lớp	4 sản phẩm nộp
Trung học thực hành-ĐHSP	23 lớp	1 sản phẩm nộp
Bình Khánh	11 lớp	
Phạm Văn Sáng	10 lớp	1 sản phẩm nộp
Bùi Thị Xuân	08 lớp	2 sản phẩm nộp
Đinh Thiện Lý	08 lớp	6 sản phẩm nộp
Dương Văn Dương	08 lớp	1 sản phẩm nộp
Chuyên Lê Hồng Phong	07 lớp	3 sản phẩm nộp
Nguyễn Tất Thành	07 lớp	2 sản phẩm nộp
Đa Phước	07 lớp	

b- Cấp THCS:

Quận/Huyện	Số trường trong Q/H đăng nhập TK	Tổng số trường được cấp TK	Tỷ lệ	Không cấp tài khoản cho GV	Số trường cấp dưới 5 tài khoản cho GV
1	9	9	100.00%		4
2	7	7	100.00%		
3	11	11	100.00%		

4	4	6	66.67%	1	2
5	7	7	100.00%		1
6	10	11	90.91%	2	
7	8	7	114.29%	1	1
8	11	11	100.00%		
9	12	12	100.00%	2	
10	6	6	100.00%		1
11	10	10	100.00%		2
12	8	11	72.73%	4	2
Bình Chánh	16	18	88.89%		1
Bình Tân	13	13	100.00%		
Bình Thạnh	16	16	100.00%		1
Cần Giờ	7	8	87.50%	1	1
Củ Chi	22	23	95.65%		2
Gò Vấp	15	15	100.00%		2
Hóc Môn	13	13	100.00%		
Nhà Bè	0	6	0.00%		
Phú Nhuận	6	6	100.00%		
Tân Bình	12	12	100.00%		
Tân Phú	12	12	100.00%		1
Thủ Đức	14	15	93.33%		
Tổng	249	265	93.96%	11	20
Số Quận/Huyện có trường tham gia lớp SHCM	16/24	Chưa tham gia: quận 2, 4, 9, 12, Thủ Đức, Bình Tân, Phú Nhuận; huyện Cần Giờ			
Số trường THCS có tham gia các lớp SHCM	47				
Tổng số lớp SHCM các trường tham gia	156				
Tổng số sản phẩm đã nộp	35				

Các trường THCS tham gia nhiều lớp SHCM		
Bàn Cờ - Q3	08 lớp	5 sản phẩm nộp
Thăng Long-Q3	11 lớp	1 sản phẩm nộp
Mạch Kiếm Hùng-Q5	07 lớp	6 sản phẩm nộp
Nguyễn Hiền-Q7	09 lớp	8 sản phẩm nộp
Lạc Hồng-Q10	08 lớp	5 sản phẩm nộp
Phạm Ngọc Thạch - Tân Bình	14 lớp	
Lê Anh Xuân-Tân Phú	29 lớp	1 sản phẩm nộp

+ Danh sách các trường kích hoạt tài khoản và tạo tài khoản cho GV.

+ Danh sách các trường tham gia và nộp sản phẩm SHCM.

- Nhận xét:

+ Một số trường chưa nhận thức sâu sắc ý nghĩa việc tham gia hoạt động SHCM qua mạng nên chưa quan tâm đến hoạt động triển khai.

+ Các trường không nhận ID tài khoản và không triển khai: THPT Lê Thị Hồng Gấm; THPT Ngô Quyền; THPT Bình Phú; THPT Quốc Trí; THPT Quốc tế Mỹ Úc; THPT Đào Duy Anh; THPT Nguyễn Tri Phương; TiH, THCS, THPT Ngôi sao nhỏ; THPT Đào Duy Từ; THPT Lý Thái Tổ; THPT Tân Trào; THPT Vĩnh Viễn; THPT Thái Bình; THCS, THPT Nguyễn Khuyến; THCS, THPT Hoàng Diệu; THPT Huỳnh Thúc Kháng; THPT Lam Sơn; THCS, THPT Nhân Văn; THPT Thành Nhân; TiH, THCS, THPT Hồng Ngọc; TiH, THCS, THPT Mỹ Việt; TiH, THCS Mỹ; TiH, THCS, THPT Albert Einstein; THPT Việt Âu; THPT Bắc Sơn; THCS, THPT Hoa Lư; Quốc tế Canada; THPT Đông Du; THPT Quốc tế Việt Úc (SIC); THCS, THPT Việt Mỹ; THPT Hưng Đạo.

+ Một số trường còn mang nặng tính đối phó khi triển khai (chỉ kích hoạt tài khoản mà không cấp tài khoản cho giáo viên hoặc cấp cho có (cấp vài tài khoản), không tập huấn sử dụng cho giáo viên, không triển khai hoạt động tham gia các lớp sinh hoạt chuyên môn do Bộ GDĐT tổ chức,...)

+ Số lượng giáo viên tham gia các hoạt động SHCM qua mạng cấp THPT cao hơn so với cấp THCS. Tuy nhiên, số lượng trường, số lớp tham gia SHCM thấp so với qui mô trường lớp và lượng sản phẩm nộp chưa nhiều.

+ Do các trường không đăng nhập tài khoản cũng như cấp tài khoản cho giáo viên nên xảy ra tình trạng giáo viên, học sinh được tuyển chọn tham gia các Hội thi

cấp Quốc gia như: Dạy học theo chủ đề tích hợp dành cho giáo viên trung học, Vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết tình huống thực tiễn dành cho học sinh trung học, Khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học không thể nộp qua mạng theo đúng tiến độ thời gian yêu cầu.

II- Các yêu cầu tiếp tục triển khai:

- Các trường chưa nhận tài khoản đăng nhập liên hệ các bộ phận liên quan để nhận và triển khai cho giáo viên.

- Tiếp tục tập huấn cho giáo viên cách sử dụng tài khoản và tham gia hoạt động SHCM qua mạng. Nâng cao nhận thức của giáo viên trong việc tham gia các hoạt động SHCM qua mạng là tiền đề, là các bước làm quen với các hoạt động đổi mới PPDH, KTĐG, chương trình, sách giáo khoa mạnh mẽ sau này.

- Trong năm học này và trong hè, giáo viên tập trung tăng cường tham gia nghiêm túc các chuyên đề dạy học trong mỗi môn học, các chuyên đề tích hợp, liên môn và kế hoạch dạy học bộ môn phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của học sinh. Mỗi giáo viên tham gia ít nhất 01 khóa tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn qua mạng và có sản phẩm nộp. Mỗi tổ/nhóm chuyên môn trong trường trung học và trung tâm GDTX phải xây dựng được tối thiểu 01 chuyên đề dạy học; tổ chức dạy thử nghiệm để dự giờ, phân tích, rút kinh nghiệm và nộp kết quả qua diễn đàn trên mạng.

- Phòng GDĐT các quận huyện, Ban giám hiệu các nhà trường thông qua quản trị viên thống kê các hoạt động tham gia SHCM của giáo viên, của các tổ trong cuối năm học để kịp thời đôn đốc, nhắc nhở đẩy mạnh quá trình tham gia có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường.

- Các trường tổng hợp các khó khăn hoặc kiến nghị trong quá trình triển khai SHCM qua mạng gửi về cho Phòng GDTrH qua địa chỉ email htminh.sgddt@tphcm.gov.vn trước ngày 10/5/2015 để Phòng tổng hợp và kiến nghị với Bộ GDĐT để điều chỉnh.

Trên đây là sơ kết các hoạt động tham gia trường học trực tuyến. Đề nghị Trường phòng GDĐT các quận huyện và Hiệu trưởng các trường THPT nghiêm túc đánh lại các hoạt động của đơn vị và tiếp tục chỉ đạo việc triển khai hoạt động trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VP, TrH.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN TRÊN MẠNG TRỰC TUYẾN

STT	Số lượng	Tổ / nhóm chuyên môn	Quận/Huyện	Loại hình	Khóa SHCM	Có sản phẩm
1	1	Tin học THPT Bùi Thị Xuân	1	THPT	HK.2.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
2	2	Tin học THPT Bùi Thị Xuân	1	THPT	HK.2.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	
3	3	Sinh học THPT Bùi Thị Xuân	1	THPT	Lesson plans for teaching Biology in English - Grade 10	x
4	4	Tin học THPT Bùi Thị Xuân	1	THPT	HK.2.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
5	5	Hóa học THPT Bùi Thị Xuân	1	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Hóa học - Lớp 10	x
6	6	Hóa học THPT Bùi Thị Xuân	1	THPT	HK1.1. Hóa học 12. Năm học 2014-2015	
7	7	Hóa học THPT Bùi Thị Xuân	1	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Hóa học - Lớp 11	
8	8	Hóa học THPT Bùi Thị Xuân	1	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Hóa học - Lớp 12	
9	1	Sinh học THPT Ernst Thälmann	1	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 10	
10	1	Sinh học THPT Lương Thế Vinh	1	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	x
11	2	Sinh học THPT Lương Thế Vinh	1	THPT	HK.2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	x
12	3	Sinh học THPT Lương Thế Vinh	1	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
13	1	Tin học THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA	1	THPT	Lesson plans for teaching IT in English - Grade 10	x
14	2	Sinh học THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA	1	THPT	Lesson plans for teaching Biology in English - Grade 10	x
15	3	Vật lý THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA	1	THPT	Lesson plans for teaching Physics in English - Grade 10	
16	1	Sinh học THPT Châu Á Thái Bình Dương	1	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
17	1	Công tác chủ nhiệm THPT Năng Khiếu TDTT	1	THPT	HK1.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	

18	2	Công tác chủ nhiệm THPT Năng Khiếu TDTT	1	THPT	HK1.1. Âm nhạc 8. Năm học 2014-2015	
19	1	Giáo dục công dân THPT Châu Á Thái Bình Dương	1	THPT	Xây dựng kịch bản và thực hiện tiểu phẩm	
20	1	Công nghệ THPT Thủ Thiêm	2	THPT	HK2.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	
21	1	Công nghệ THPT Marie Curie	3	THPT	HK2.1. Công nghệ 12. Năm học 2014-2015	
22	2	Công nghệ THPT Marie Curie	3	THPT	HK2.1. Công nghệ 11. Năm học 2014-2015	
23	3	Công nghệ THPT Marie Curie	3	THPT	HK2.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	
24	4	Tiếng Anh THPT Marie Curie	3	THPT	HK2.1. Tiếng Anh 11. Năm học 2014-2015	
25	5	Sinh học THPT Marie Curie	3	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 12	
26	6	Công nghệ THPT Marie Curie	3	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Công nghệ - Lớp 10	x
27	7	Sinh học THPT Marie Curie	3	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 11	
28	8	Sinh học THPT Marie Curie	3	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 10	x
29	9	Tin học THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	
30	10	Thể dục THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Thể dục 11. Năm học 2014-2015	
31	11	Tin học THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
32	12	Sinh học THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	
33	13	Sinh học THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	
34	14	Sinh học THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
35	15	Tiếng Pháp THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Tiếng Pháp 12. Năm học 2014-2015	
36	16	Tiếng Anh THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 12. Năm học 2014-2015	
37	17	Tiếng Anh THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 10. Năm học 2014-2015	
38	18	Địa lí THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	
39	19	Tin học THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	x
40	20	Sinh học THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	x
41	21	Sinh học THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	
42	22	Sinh học THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
43	23	Tin học THPT Marie Curie	3	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
44	1	Tin học THPT LÊ QUÝ ĐÓN	3	THPT	HK1.1. Công nghệ 12. Năm học 2014-2015	
45	2	Tin học THPT LÊ QUÝ ĐÓN	3	THPT	Thuyết trình "Tôi tự tin"	
46	1	Sinh học THPT Nguyễn Hữu Thọ	4	THPT	HK2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	x

47	2	Toán THPT Nguyễn Hữu Thọ	4	THPT	HK1.1. Toán 10. Năm học 2014-2015	
48	1	Hóa học THPT Nguyễn Trãi	4	THPT	HK1.1. Hóa học 10. Năm học 2014-2015	
49	1	Tin học THPT QUANG TRUNG - NGUYỄN HUỆ	5	THPT	Tập huấn CBQL, giáo viên trung học về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật 2014	
50	1	Tin học THPT Hùng Vương	5	THPT	HK2.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	x
51	2	Tin học THPT Hùng Vương	5	THPT	HK1.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	x
52	1	Tiếng Anh THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 10. Năm học 2014-2015	
53	2	Tiếng Anh THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 11. Năm học 2014-2015	
54	3	Công tác chủ nhiệm THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 12. Năm học 2014-2015	
55	4	Toán THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Toán 12. Năm học 2014-2015	
56	5	Ngữ văn THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 12. Năm học 2014-2015	
57	6	Vật lý THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Vật lý 10. Năm học 2014-2015	
58	7	Hóa học THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Hóa học 10. Năm học 2014-2015	
59	8	Công tác chủ nhiệm THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 10	
60	9	Hóa học THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Hóa học 12. Năm học 2014-2015	
61	10	Tiếng Anh THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Toán 12. Năm học 2014-2015	
62	11	Vật lý THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Vật lý 12. Năm học 2014-2015	
63	12	Hóa học THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Hóa học 11. Năm học 2014-2015	
64	13	Công tác chủ nhiệm THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 11. Năm học 2014-2015	
65	14	Vật lý THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Vật lý 11. Năm học 2014-2015	
66	15	Lịch sử THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Lịch sử 10. Năm học 2014-2015	
67	16	Địa lý THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Địa lý - Lớp 10	
68	17	Vật lý THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Vật lý - Lớp 12	
69	18	Công tác chủ nhiệm THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 12	

70	19	Lịch sử THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Lịch sử 12. Năm học 2014-2015	
71	20	Toán THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Toán 10. Năm học 2014-2015	
72	21	Toán THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Toán 11. Năm học 2014-2015	x
73	22	Tin học THPT thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	Xây dựng kế hoạch triển khai tập huấn về tổ chức, quản lý hoạt động chuyên môn qua mạng tại địa phương	
74	23	Tin học THPT thực hành ĐHSP TP.HCM	5	THPT	HK1.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	
75	1	Tiếng Anh THPT Chuyên Lê Hồng Phong	5	THPT	HK.2.1. Tiếng Anh 12. Năm học 2014-2015	
76	2	Tiếng Anh THPT Chuyên Lê Hồng Phong	5	THPT	HK.2.1. Tiếng Anh 10. Năm học 2014-2015	x
77	3	Tiếng Anh THPT Chuyên Lê Hồng Phong	5	THPT	HK.2.1. Tiếng Anh 11. Năm học 2014-2015	x
78	4	Hóa học THPT Chuyên Lê Hồng Phong	5	THPT	HK1.1. Hóa học 12. Năm học 2014-2015	
79	5	Hóa học THPT Chuyên Lê Hồng Phong	5	THPT	HK.2.1. Hóa học 12. Năm học 2014-2015	
80	6	Địa lý THPT Chuyên Lê Hồng Phong	5	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Địa lý - Lớp 10	x
81	7	Địa lý THPT Chuyên Lê Hồng Phong	5	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Địa lý - Lớp 12	
82	1	Địa lý THPT TRẦN KHAI NGUYỄN	5	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Địa lý - Lớp 10	
83	1	Sinh học THPT Bình Phú	6	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	x
84	2	Sinh học THPT Bình Phú	6	THPT	HK.2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	x
85	3	Sinh học THPT Bình Phú	6	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	x
86	1	Địa lý THPT NGUYỄN TẤT THÀNH	6	THPT	HK.2.1. Địa lý 12. Năm học 2014-2015	x
87	2	Tin học THPT NGUYỄN TẤT THÀNH	6	THPT	HK.2.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	x
88	3	Tin học THPT NGUYỄN TẤT THÀNH	6	THPT	HK.2.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
89	4	Tin học THPT NGUYỄN TẤT THÀNH	6	THPT	HK.2.1. Giáo dục công dân 11. Năm học 2014-2015	
90	5	Tin học THPT NGUYỄN TẤT THÀNH	6	THPT	HK.2.1. Tiếng Nga 11. Năm học 2014-2015	
91	6	Tin học THPT NGUYỄN TẤT THÀNH	6	THPT	HK.2.1. Âm nhạc 6. Năm học 2014-2015	
92	7	Tin học THPT NGUYỄN TẤT THÀNH	6	THPT	HK.2.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	
93	1	Vật lý THPT Mạc Đình Chi	6	THPT	Lesson plans for teaching Physics in English - Grade 10	x
94	1	Sinh học THPT Đinh Thiện Lý	7	THPT	HK.2.1. Sinh học 6. Năm học 2014-2015	x
95	2	Sinh học THPT Đinh Thiện Lý	7	THPT	HK.2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	x
96	3	Sinh học THPT Đinh Thiện Lý	7	THPT	HK.2.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	x
97	4	Toán THPT Đinh Thiện Lý	7	THPT	HK.2.1. Toán 6. Năm học 2014-2015	x
98	5	Vật lý THPT Đinh Thiện Lý	7	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Vật lý - Lớp 10	
99	6	Lịch sử THPT Đinh Thiện Lý	7	THPT	HK.2.1. Lịch sử 9. Năm học 2014-2015	
100	7	Sinh học THPT Đinh Thiện Lý	7	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	x
101	8	Sinh học THPT Đinh Thiện Lý	7	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	x

102	1	Hóa học THCS -THPT Đức Trí	7	THPT	HK.2.1. Hóa học 11. Năm học 2014-2015	
103	2	Hóa học THCS -THPT Đức Trí	7	THPT	HK.2.1. Hóa học 9. Năm học 2014-2015	
104	3	Tin học THCS -THPT Đức Trí	7	THPT	HK1.1. Tin học 8. Năm học 2014-2015	
105	1	Hóa học THPT Sao Việt	7	THPT	HK.2.1. Âm nhạc 8. Năm học 2014-2015	
106	1	Địa lí THPT Ngô Gia Tự	8	THPT	HK.2.1. Địa lí 11. Năm học 2014-2015	x
107	2	Địa lí THPT Ngô Gia Tự	8	THPT	HK.2.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	x
108	1	Sinh học THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	8	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	x
109	2	Sinh học THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	8	THPT	HK.2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	
110	3	Sinh học THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	8	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	x
111	4	Công nghệ THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	8	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Công nghệ - Lớp 12	x
112	1	Sinh học THPT Tạ Quang Bửu	8	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	x
113	2	Sinh học THPT Tạ Quang Bửu	8	THPT	HK.2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	x
114	1	Sinh học THPT Ngô Gia Tự	8	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	
115	2	Tin học THPT Ngô Gia Tự	8	THPT	HK1.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	x
116	1	Sinh học THPT LƯƠNG VĂN CÁN	8	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	x
117	1	Sinh học THPT Nguyễn Huệ	8	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
118	1	Vật lí THPT An Nhơn Tây	Củ Chi	THPT	HK.2.1. Vật lí 10. Năm học 2014-2015	
119	1	Sinh học THPT Nguyễn Văn Linh	8	THPT	HK.2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	x
120	2	Thế dục THPT Nguyễn Văn Linh	8	THPT	HK.2.1. Thể dục 10. Năm học 2014-2015	
121	1	Vật lí THPT LONG TRƯỜNG	9	THPT	HK.2.1. Vật lí 11. Năm học 2014-2015	
122	2	Công nghệ THPT LONG TRƯỜNG	9	THPT	HK.2.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	
123	1	Toán THPT TH, THCS, THPT Việt Úc	10	THPT	HK.2.1. Toán 6. Năm học 2014-2015	x
124	2	Tin học THPT TH, THCS, THPT Việt Úc	10	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
125	1	Công nghệ THPT Nguyễn An Ninh	10	THPT	HK.2.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	
126	2	Tin học THPT Nguyễn An Ninh	10	THPT	Lesson plans for teaching IT in English - Grade 10	
127	3	Tin học THPT Nguyễn An Ninh	10	THPT	HK.2.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
128	4	Ngữ văn THPT Nguyễn An Ninh	10	THPT	HK.2.1. Ngữ văn 11. Năm học 2014-2015	
129	5	Tin học THPT Nguyễn An Ninh	10	THPT	HK1.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	
130	1	Sinh học THPT DIÊN HỒNG	10	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 12	

131	2	Sinh học THPT DIÊN HỒNG	10	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 11	
132	3	Sinh học THPT DIÊN HỒNG	10	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 10	
133	4	Tin học THPT DIÊN HỒNG	10	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
134	1	Tiếng Anh THPT Nguyễn Khuyến	10	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 10. Năm học 2014-2015	
135	1	Địa lí THPT Trần Nhân Tông	11	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Địa lí - Lớp 10	x
136	2	Địa lí THPT Trần Nhân Tông	11	THPT	HK1.1. Địa lí 12. Năm học 2014-2015	
137	1	Tin học THPT BẠCH ĐĂNG	12	THPT	HK1.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	
138	1	Sinh học THPT Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	
139	1	Sinh học THPT Lê Minh Xuân	Bình Chánh	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	x
140	2	Sinh học THPT Lê Minh Xuân	Bình Chánh	THPT	HK.2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	
141	3	Sinh học THPT Lê Minh Xuân	Bình Chánh	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	
142	4	Tin học THPT Lê Minh Xuân	Bình Chánh	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
143	1	Sinh học THPT Đa Phước	Bình Chánh	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	
144	2	Sinh học THPT Đa Phước	Bình Chánh	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
145	3	Sinh học THPT Đa Phước	Bình Chánh	THPT	HK.2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	
146	4	Tin học THPT Đa Phước	Bình Chánh	THPT	HK1.1. Âm nhạc 9. Năm học 2014-2015	
147	5	Hóa học THPT Đa Phước	Bình Chánh	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
148	6	Tin học THPT Đa Phước	Bình Chánh	THPT	HK1.1. Hóa học 10. Năm học 2014-2015	
149	7	Tin học THPT Đa Phước	Bình Chánh	THPT	HK1.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	
150	1	Công nghệ THPT An Lạc	Bình Tân	THPT	HK.2.1. Công nghệ 11. Năm học 2014-2015	x
151	2	Công nghệ THPT An Lạc	Bình Tân	THPT	HK.2.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	x
152	1	Ngữ văn THPT Vĩnh Lộc	Bình Tân	THPT	Thuyết trình "Tôi tự tin"	
153	2	Ngữ văn THPT Vĩnh Lộc	Bình Tân	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 12. Năm học 2014-2015	
154	1	Địa lí THPT Võ Thị Sáu	Bình Thạnh	THPT	HK.2.1. Địa lí 11. Năm học 2014-2015	
155	2	Ngữ văn THPT Võ Thị Sáu	Bình Thạnh	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 12. Năm học 2014-2015	x
156	1	Địa lí THPT Hoàng Hoa Thám	Bình Thạnh	THPT	HK.2.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	
157	1	Sinh học THPT Phan Đăng Lưu	Bình Thạnh	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 11	
158	2	Sinh học THPT Phan Đăng Lưu	Bình Thạnh	THPT	HK1.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
159	3	Sinh học THPT Phan Đăng Lưu	Bình Thạnh	THPT	HK1.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	
160	1	Tin học THPT TRẦN VĂN GIÀU	Bình Thạnh	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
161	1	Địa lí THPT Cần Thạnh	Cần Giờ	THPT	HK.2.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	x
162	2	Sinh học THPT Cần Thạnh	Cần Giờ	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	

163	3	Sinh học THPT Cần Thạnh	Cần Giờ	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
164	4	Sinh học THPT Cần Thạnh	Cần Giờ	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 12	
165	1	Tin học THPT An Nghĩa	Cần Giờ	THPT	HK.2.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	
166	2	Hóa học THPT An Nghĩa	Cần Giờ	THPT	Tập huấn xây dựng chuyên đề dạy học môn Khoa học tự nhiên - Lớp 1	
167	3	Hóa học THPT An Nghĩa	Cần Giờ	THPT	HK.2.1. Hóa học 11. Năm học 2014-2015	
168	4	Hóa học THPT An Nghĩa	Cần Giờ	THPT	Phiếu hỏi ý kiến về khóa tập huấn về tổ chức, quản lí các hoạt động chuyên môn qua mạng thông tin trực tuyến	
169	5	Hóa học THPT An Nghĩa	Cần Giờ	THPT	Hướng dẫn xây dựng các chuyên đề dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh cấp THPT	
170	6	Hóa học THPT An Nghĩa	Cần Giờ	THPT	HK.2.1. Hóa học 12. Năm học 2014-2015	
171	1	Toán THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	HK1.1. Toán 12. Năm học 2014-2015	
172	2	Tiếng Anh THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 10. Năm học 2014-2015	
173	3	Ngữ văn THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	HK1.1. GDCD 10. Năm học 2014-2015	
174	4	Vật lí THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Vật lí - Lớp 12	
175	5	Toán THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Công nghệ - Lớp 12	
176	6	Tiếng Anh THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 12. Năm học 2014-2015	
177	7	Thể dục THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	HK1.1. Thể dục 12. Năm học 2014-2015	
178	8	Vật lí THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Vật lí - Lớp 10	
179	9	Địa lí THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Địa lí - Lớp 12	
180	10	Công nghệ THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Công nghệ - Lớp 11	
181	11	Ngữ văn THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 12. Năm học 2014-2015	
182	12	Địa lí THPT Bình Khánh	Cần Giờ	THPT	HK1.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	
183	1	Công nghệ THPT An Nhơn Tây	Củ Chi	THPT	HK.2.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	x
184	1	Địa lí THPT Củ Chi	Củ Chi	THPT	HK.2.1. Địa lí 12. Năm học 2014-2015	
185	2	Công nghệ THPT Củ Chi	Củ Chi	THPT	HK.2.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	
186	3	Công nghệ THPT Củ Chi	Củ Chi	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Công nghệ - Lớp 10	
187	4	Công nghệ THPT Củ Chi	Củ Chi	THPT	HK1.1. Công nghệ 12. Năm học 2014-2015	
188	1	Sinh học THPT tân thông hội	Củ Chi	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	

189	2	Tin học THPT tân thông hội	Củ Chi	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
190	1	Vật lí THPT PHÚ HÒA	Củ Chi	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Vật lí - Lớp 12	
191	2	Tin học THPT PHÚ HÒA	Củ Chi	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
192	3	Tin học THPT PHÚ HÒA	Củ Chi	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
193	4	Tin học THPT PHÚ HÒA	Củ Chi	THPT	HK1.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	
194	1	Tiếng Anh THPT TRUNG PHU	Củ Chi	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 12. Năm học 2014-2015	
195	1	Ngữ văn THPT THIẾU SINH QUÂN	Củ Chi	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 12. Năm học 2014-2015	x
196	2	Ngữ văn THPT THIẾU SINH QUÂN	Củ Chi	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 10. Năm học 2014-2015	x
197	3	Ngữ văn THPT THIẾU SINH QUÂN	Củ Chi	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 11. Năm học 2014-2015	x
198	4	Công nghệ THPT THIẾU SINH QUÂN	Củ Chi	THPT	HK1.1. Công nghệ 11. Năm học 2014-2015	
199	5	Công nghệ THPT THIẾU SINH QUÂN	Củ Chi	THPT	HK1.1. Công nghệ 12. Năm học 2014-2015	
200	1	Công nghệ THPT NGUYỄN CÔNG TRÚ	Gò Vấp	THPT	HK2.2. Công nghệ 12. Năm học 2014-2015	
201	2	Công nghệ THPT NGUYỄN CÔNG TRÚ	Gò Vấp	THPT	HK2.2. Công nghệ 11. Năm học 2014-2015	
202	3	Địa lí THPT NGUYỄN CÔNG TRÚ	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Địa lí 11. Năm học 2014-2015	x
203	4	Sinh học THPT NGUYỄN CÔNG TRÚ	Gò Vấp	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 11	
204	5	Hóa học THPT NGUYỄN CÔNG TRÚ	Gò Vấp	THPT	Lesson plans for teaching Chemistry in English - Grade 10	x
205	1	Toán THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Toán 12. Năm học 2014-2015	x
206	2	Tiếng Anh THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Tiếng Anh 11. Năm học 2014-2015	x
207	3	Ngữ văn THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Ngữ văn 11. Năm học 2014-2015	x
208	4	Ngữ văn THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Ngữ văn 10. Năm học 2014-2015	
209	5	Ngữ văn THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Ngữ văn 9. Năm học 2014-2015	
210	6	Hóa học THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Hóa học 10. Năm học 2014-2015	x
211	7	Toán THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Toán 10. Năm học 2014-2015	x
212	8	Toán THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Toán 11. Năm học 2014-2015	x
213	9	Toán THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Vật lí 12. Năm học 2014-2015	
214	10	Tiếng Anh THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Tiếng Anh 10. Năm học 2014-2015	x
215	11	Hóa học THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Hóa học 11. Năm học 2014-2015	x
216	12	Thể dục THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Thể dục 11. Năm học 2014-2015	x
217	13	Thể dục THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Thể dục 12. Năm học 2014-2015	x
218	14	Thể dục THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Thể dục 10. Năm học 2014-2015	x
219	15	Giáo dục công dân THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Giáo dục công dân 11. Năm học 2014-2015	x
220	16	Giáo dục công dân THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Giáo dục công dân 10. Năm học 2014-2015	x
221	17	Sinh học THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	x

222	18	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Ngữ văn 12. Năm học 2014-2015	X
223	19	Hóa học	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Hóa học 12. Năm học 2014-2015	X
224	20	Sinh học	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	X
225	21	Tiếng Anh	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Tiếng Anh 6. Năm học 2014-2015	
226	22	Sinh học	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
227	23	Tiếng Anh	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Tiếng Anh 12. Năm học 2014-2015	X
228	24	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Lịch sử 10. Năm học 2014-2015	X
229	25	Lịch sử	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Lịch sử 12. Năm học 2014-2015	X
230	26	Địa lý	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Địa lý 10. Năm học 2014-2015	X
231	27	Tin học	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	X
232	28	Tin học	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	X
233	29	Công nghệ	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Công nghệ 11. Năm học 2014-2015	
234	30	Tin học	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	X
235	31	Vật lý	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Vật lý 11. Năm học 2014-2015	X
236	32	Vật lý	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Vật lý 12. Năm học 2014-2015	X
237	33	Vật lý	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Vật lý 10. Năm học 2014-2015	X
238	34	Sinh học	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK1.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	
239	35	Sinh học	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK1.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	
240	36	Ngữ văn	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 12. Năm học 2014-2015	
241	1	Lịch sử	THPT PHẠM NGŨ LÃO	Gò Vấp	THPT	Thuyết trình "Tôi tự tin"	
242	2	Ngữ văn	THPT PHẠM NGŨ LÃO	Gò Vấp	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 12. Năm học 2014-2015	
243	3	Tiếng Anh	THPT PHẠM NGŨ LÃO	Gò Vấp	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 10. Năm học 2014-2015	
244	4	Tin học	THPT PHẠM NGŨ LÃO	Gò Vấp	THPT	HK1.1. Địa lý 12. Năm học 2014-2015	
245	5	Tin học	THPT PHẠM NGŨ LÃO	Gò Vấp	THPT	HK1.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
246	6	Tin học	THPT PHẠM NGŨ LÃO	Gò Vấp	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
247	1	Sinh học	THCS - THPT Âu Lạc	Gò Vấp	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	
248	1	Lịch sử	THPT PHẠM VĂN SÁNG	Hóc Môn	THPT	HK.2.1. Lịch sử 11. Năm học 2014-2015	
249	2	Địa lý	THPT PHẠM VĂN SÁNG	Hóc Môn	THPT	HK.2.1. Địa lý 12. Năm học 2014-2015	
250	3	Ngữ văn	THPT PHẠM VĂN SÁNG	Hóc Môn	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 12. Năm học 2014-2015	X
251	4	Lịch sử	THPT PHẠM VĂN SÁNG	Hóc Môn	THPT	HK1.1. Lịch sử 10. Năm học 2014-2015	
252	5	Lịch sử	THPT PHẠM VĂN SÁNG	Hóc Môn	THPT	HK1.1. Lịch sử 11. Năm học 2014-2015	
253	6	Lịch sử	THPT PHẠM VĂN SÁNG	Hóc Môn	THPT	HK1.1. Lịch sử 12. Năm học 2014-2015	
254	7	Lịch sử	THPT PHẠM VĂN SÁNG	Hóc Môn	THPT	Tập huấn xây dựng CĐ dạy học môn Lịch sử - Lớp 10	

255	8	Lịch sử THPT PHẠM VĂN SÁNG	Học Môn	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Lịch sử - Lớp 11	
256	9	Lịch sử THPT PHẠM VĂN SÁNG	Học Môn	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Lịch sử - Lớp 12	
257	10	Địa lí THPT PHẠM VĂN SÁNG	Học Môn	THPT	Hướng dẫn xây dựng các chuyên đề dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh cấp THPT	
258	1	Tin học THPT Lý Thường Kiệt	Học Môn	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
259	1	Hóa học THPT Phước Kiển	Nhà Bè	THPT	HK2.1. Hóa học 12. Năm học 2014-2015	
260	1	Hóa học THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	THPT	HK2.1. Hóa học 10. Năm học 2014-2015	x
261	2	Giáo dục công dân THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	THPT	HK1.1. GDGD 10. Năm học 2014-2015	
262	3	Khoa học tự nhiên THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	THPT	HK1.1. Vật lí 12. Năm học 2014-2015	
263	4	Địa lí THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	THPT	HK1.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	
264	5	Hóa học THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	THPT	HK1.1. Hóa học 10. Năm học 2014-2015	
265	6	Tiếng Anh THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 10. Năm học 2014-2015	
266	7	Toán THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	THPT	HK1.1. Toán 10. Năm học 2014-2015	
267	8	Tin học THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	THPT	HK1.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	
268	1	Tin học THPT Long Thới	Nhà Bè	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
269	1	Tiếng Anh THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK2.1. Tiếng Anh 11. Năm học 2014-2015	
270	2	Toán THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK2.1. Toán 10. Năm học 2014-2015	
271	3	Lịch sử THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK2.1. Lịch sử 10. Năm học 2014-2015	
272	4	Địa lí THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Địa lí - Lớp 10	
273	5	Địa lí THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK2.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	
274	6	Vật lí THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Vật lí - Lớp 10	
275	7	Sinh học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Sinh học - Lớp 10	
276	8	Lịch sử THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Lịch sử - Lớp 10	
277	9	Hóa học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Hóa học - Lớp 10	
278	10	Vật lí THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	Hướng dẫn xây dựng các chuyên đề dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh cấp THPT	

279	11	Sinh học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
280	12	Giáo dục công dân THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. GDCD 10. Năm học 2014-2015	
281	13	Vật lý THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Vật lý 10. Năm học 2014-2015	
282	14	Địa lý THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Địa lý 11. Năm học 2014-2015	
283	15	Hóa học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Hóa học 11. Năm học 2014-2015	
284	16	Hóa học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Hóa học 10. Năm học 2014-2015	
285	17	Hóa học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Hóa học 12. Năm học 2014-2015	
286	18	Hóa học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	Tập huấn xây dựng CĐ dạy học môn Hóa học - Lớp 12	
287	19	Lịch sử THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Lịch sử 10. Năm học 2014-2015	
288	20	Lịch sử THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Lịch sử 11. Năm học 2014-2015	
289	21	Ngữ văn THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 12. Năm học 2014-2015	
290	22	Toán THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Toán 12. Năm học 2014-2015	x
291	23	Tin học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	x
292	24	Tin học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
293	25	Tiếng Anh THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 12. Năm học 2014-2015	
294	26	Tiếng Anh THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Tiếng Anh 11. Năm học 2014-2015	
295	27	Thể dục THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Thể dục 12. Năm học 2014-2015	
296	28	Thể dục THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Thể dục 10. Năm học 2014-2015	
297	29	Ngữ văn THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 10. Năm học 2014-2015	
298	30	Ngữ văn THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Ngữ Văn 11. Năm học 2014-2015	
299	31	Tin học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	HK1.1. Địa lý 12. Năm học 2014-2015	
300	32	Tin học THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	THPT	Phiếu hỏi ý kiến về khóa tập huấn về tổ chức, quản lí các hoạt động chuyên môn qua mạng thông tin trực tuyến	x
301	1	Hóa học THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Hóa học 11. Năm học 2014-2015	x
302	2	Vật lý THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Vật lý 10. Năm học 2014-2015	x
303	3	Hóa học THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Hóa học 12. Năm học 2014-2015	
304	4	Tin học THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	x
305	5	Tin học THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	x
306	6	Thể dục THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Thể dục 12. Năm học 2014-2015	
307	7	Toán THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Toán 11. Năm học 2014-2015	x
308	8	Toán THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Toán 12. Năm học 2014-2015	x
309	9	Toán THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Toán 10. Năm học 2014-2015	x
310	10	Thể dục THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Thể dục 11. Năm học 2014-2015	x

311	11	Thế dục THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Thế dục 10. Năm học 2014-2015	X
312	12	Ngữ văn THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Ngữ văn 12. Năm học 2014-2015	X
313	13	Lịch sử THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Lịch sử 11. Năm học 2014-2015	
314	14	Lịch sử THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Lịch sử 12. Năm học 2014-2015	
315	15	Công nghệ THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	X
316	16	Tiếng Anh THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Tiếng Anh 12. Năm học 2014-2015	X
317	17	Tin học THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Tin học 12. Năm học 2014-2015	X
318	18	Vật lí THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Vật lí 12. Năm học 2014-2015	X
319	19	Giáo dục công dân THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Giáo dục công dân 11. Năm học 2014-2015	
320	20	Địa lí THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	
321	21	Giáo dục công dân THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Giáo dục công dân 8. Năm học 2014-2015	
322	22	Địa lí THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Địa lí 12. Năm học 2014-2015	X
323	23	Vật lí THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Vật lí 11. Năm học 2014-2015	
324	24	Toán THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Âm nhạc 6. Năm học 2014-2015	
325	25	Sinh học THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
326	26	Toán THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	Lesson plans for teaching Mathematics in English - Grade 12	X
327	27	Vật lí THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Vật lí - Lớp 10	X
328	1	Tin học THCS & THPT Thái Bình	Tân Bình	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
329	2	Vật lí THCS & THPT Thái Bình	Tân Bình	THPT	Tập huấn xây dựng CD dạy học môn Vật lí - Lớp 10	
330	3	Tin học THCS & THPT Thái Bình	Tân Bình	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
331	1	Tin học THPT Nguyễn Chí Thanh	Tân Bình	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
332	1	Sinh học THPT TAYTHANH	Tân Phú	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	
333	2	Sinh học THPT TAYTHANH	Tân Phú	THPT	HK.2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	
334	3	Sinh học THPT TAYTHANH	Tân Phú	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
335	4	Tin học THPT TAYTHANH	Tân Phú	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
336	5	Tin học THPT TAYTHANH	Tân Phú	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
337	1	Công nghệ THPT Trần Phú	Tân Phú	THPT	HK1.1. Công nghệ 10. Năm học 2014-2015	
338	2	Tin học THPT Trần Phú	Tân Phú	THPT	HK1.1. Âm nhạc 6. Năm học 2014-2015	
339	3	Tin học THPT Trần Phú	Tân Phú	THPT	HK1.1. Tin học 10. Năm học 2014-2015	
340	1	Địa lí THPT Thủ Đức	Thủ Đức	THPT	HK.2.1. Địa lí 10. Năm học 2014-2015	X
341	2	Địa lí THPT Thủ Đức	Thủ Đức	THPT	Tập huấn xây dựng chuyên đề dạy học môn Khoa học xã hội - Lớp 2	

342	3	Địa lí THPT Thủ Đức	Thủ Đức	THPT	HK.2.1. Địa lí 11. Năm học 2014-2015	
343	4	Sinh học THPT Thủ Đức	Thủ Đức	THPT	HK.2.1. Sinh học 11. Năm học 2014-2015	x
344	5	Sinh học THPT Thủ Đức	Thủ Đức	THPT	HK.2.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
345	6	Sinh học THPT Thủ Đức	Thủ Đức	THPT	HK.2.1. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	
346	1	Sinh học THPT Hiệp Bình	Thủ Đức	THPT	HK.2.2. Sinh học 10. Năm học 2014-2015	x
347	2	Tin học THPT Hiệp Bình	Thủ Đức	THPT	HK1.1. Tin học 11. Năm học 2014-2015	
348	3	Sinh học THPT Hiệp Bình	Thủ Đức	THPT	HK1.1. Sinh học 12. Năm học 2014-2015	
349	1	Thể dục THPT TAM PHÚ	Thủ Đức	THPT	HK1.1. Thể dục 12. Năm học 2014-2015	

Số trường THPT có tham gia các lớp SHCM 73
 Tổng số lớp các trường tham gia SHCM 349
 Tổng số sản phẩm đã nộp 104
 Các trường THPT tham gia nhiều lớp SHCM

Trần Hưng Đạo	36 lớp	27 sản phẩm nộp
Hàn Thuyên	32 lớp	3 sản phẩm nộp
Nguyễn Thương Hiền	27 lớp	17 sản phẩm nộp
Marie Curie	23 lớp	4 sản phẩm nộp
Trung học thực hành-ĐHSP	23 lớp	1 sản phẩm nộp
Bình Khánh	11 lớp	
Phạm Văn Sáng	10 lớp	1 sản phẩm nộp
Bùi Thị Xuân	08 lớp	2 sản phẩm nộp
Đinh Thiện Lý	08 lớp	6 sản phẩm nộp
Dương Văn Dương	08 lớp	1 sản phẩm nộp
Chuyên Lê Hồng Phong	07 lớp	3 sản phẩm nộp
Nguyễn Tất Thành	07 lớp	2 sản phẩm nộp
Đa Phước	07 lớp	

THỐNG KÊ CÁC TRƯỜNG THPT ĐĂNG NHẬP TÀI KHOẢN VÀ CẤP TÀI KHOẢN CHO GIÁO VIÊN

Mã trường	Tên trường	Loại hình	Quận/ Huyện	Địa chỉ	Số giáo viên	Số lớp	Số học sinh
THA.79.783.00029	THPT Bùi Thị Xuân	THPT	1	73-75 Bùi Thị Xuân - Quận 1 - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	99	33	129
THA.79.760.00029	THPT Châu Á Thái Bình Dương	THPT	1	33 CDE Nguyễn Bình Khiêm - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	11	7	90
THA.79.760.00027	THPT CHUYÊN TRẦN ĐẠI NGHĨA	THPT	1	53 Nguyễn Du, P. Bến Nghé - Quận 1 - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	168	63	2288
THA.79.760.00021	THPT ĐĂNG KHOA	THPT	1	571 Cô Bắc - Phường Cầu Ông Lãnh - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	44	3	0
THA.79.783.00031	THPT Ernst Thälmann	THPT	1	số 8, Trần Hưng Đạo - Phường Phạm Ngũ Lão - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	78	42	1827
THA.79.760.00025	Song Ngữ Quốc Tế Horizon	THPT	1	6-6A-8 Đường 44 - Quận 1 - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	30	14	312
THA.79.760.00030	THPT Lương Thế Vinh	THPT	1	131 Cô Bắc - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	44	33	1261
THA.79.760.00028	THPT Năng Khiếu TDTT	THPT	1	43 Điện Biên Phủ, P Đakao - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	17	14	35
THA.79.760.00022	THPT QUỐC TẾ Á CHÂU	THPT	1	41/3-41/4 Bis Trần Nhật Duật - P. Tân Định - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	69	3	30
THA.79.783.00030	THPT Trung Vương	THPT	1	3 Nguyễn Bình Khiêm - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	97	45	89
THA.79.760.00023	THPT ÚC CHÂU	THPT	1	49 Điện Biên Phủ - Phường Đa Kao - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh	20	2	20
THA.79.769.00012	THPT Giồng Ông Tố	THPT	2	200/10 Nguyễn Thị Định - Quận 2 - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh	38	30	0
THA.79.769.00013	THPT Thủ Thiêm	THPT	2	Số 1 Vũ Tông Phan - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh	15	15	0
THA.79.770.00026	Tiểu học ,Trung học cơ sở & Trung học phổ thông Tây Úc	THPT	3	157 Lý Chính Thắng - Phường 7 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh	0	0	0
THA.79.770.00017	THPT LÊ QUÝ ĐÓN	THPT	3	110 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh	94	45	1711

THA.79.770.00027	THPT Marie Curie	THPT	3	159 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Phường 7 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh	152	77	3507
THA.79.770.00025	THPT Nguyễn Bình Khiêm	THPT	3	140 - Đường Lý Chính Thắng - Phường 7 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh	20	2	0
THA.79.770.00020	THPT Nguyễn Thị Diệu	THPT	3	12 Trần Quốc Toản, phường 8 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh	79	1	0
THA.79.770.00016	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	THPT	3	275 - Điện Biên Phủ - P.7 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh	106	15	0
THA.79.769.00005	THPT Nguyễn Hữu Thọ	THPT	4	2 Bến Vân Đồn, phường 12 - Quận 4 - Quận 4 - TP. Hồ Chí Minh	78	37	1874
THA.79.769.00006	THPT Nguyễn Trãi	THPT	4	364 Nguyễn Tất Thành, phường 18 - Quận 4 - Quận 4 - TP. Hồ Chí Minh	87	44	671
THA.79.774.00021	THPT An Đông	THPT	5	100/15 Hùng Vương - F9-Q5	37	8	342
THA.79.774.00012	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	THPT	5	235 Nguyễn Văn Cừ - Quận 5 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh	130	10	558
THA.79.773.00009	THPT Hùng Vương	THPT	5	124 Hồng Bàng - Phường 12 - Quận 5 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh	163	76	3391
THA.79.774.00023	THPT THẮNG LONG	THPT	5	114-116 Hải Thượng Lãn Ông, P10 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh	55	18	562
THA.79.773.00010	THPT Thực hành ĐHSP TP.HCM	THPT	5	280 An Dương Vương, P4 - Quận 5 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh	72	29	1495
THA.79.774.00013	THPT Thực Hành Sài Gòn	THPT	5	220 Trần Bình Trọng, Phường 4 - Quận 5 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh	8	3	44
THA.79.775.00022	THCS & THPT Phan Bội Châu	THPT	6	293 - 299 Nguyễn Đình Chi, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	5	0	0
THA.79.787.00010	THPT Bình Phú	THPT	6	102 Trần Văn Kiêu P10 - Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh	85	4	0
THA.79.774.00017	THPT NGUYỄN TẮT THÀNH	THPT	6	249 C Nguyễn Văn Luông Phường 11 - Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh	121	6	2280
THA.79.775.00023	THPT Phú Lâm	THPT	6	12-24, Đường 3, KP Chợ Phú Lâm - phường 13 - Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh	37	8	22
THA.79.778.00016	THPT Đinh Thiện Lý	THPT	7	80 Nguyễn Đức Cảnh - Quận 7 - TP. Hồ Chí Minh	41	35	1067
THA.79.775.00005	THPT Lê Thánh Tôn	THPT	7	124 đường 17, Phường Tân Kiểng - Quận 7 - TP. Hồ Chí Minh	90	37	315

THA.79.778.00019	THPT Mạc Đình Chi	THPT	7	Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh	2	0	0
THA.79.775.00006	THPT NAM SÀI GÒN	THPT	7	Khu A Đô thị mới Nam Sài Gòn - Phường Tân Phú - Quận 7 - Tp.HCM	24	23	502
THA.79.778.00017	THPT Sao Việt	THPT	7	650/15Q nguyên hữu thọ. tân hưng - Quận 7 - Quận 7 - TP. Hồ Chí Minh	2	2	50
THA.79.775.00004	THPT TÂN PHONG	THPT	7	19F Khu dân cư Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong - Quận 7 - TP. Hồ Chí Minh	72	33	863
THA.79.778.00007	THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	THPT	8	Đường 41 - Phường 16 - Quận 8 - TP. Hồ Chí Minh	76	37	1270
THA.79.778.00004	THPT LƯƠNG VĂN CÁN	THPT	8	173 Phạm Hùng, Phường 4, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	112	49	2549
THA.79.778.00005	THPT Ngô Gia Tự	THPT	8	360E Bình Đông, Phường 15 - Quận 8 - TP. Hồ Chí Minh	75	33	1378
THA.79.776.00022	THPT Nguyễn Văn Linh	THPT	8	Lô F' KDC Phú Lợi P7 Q8 Tp. HCM - Quận 8 - Quận 8 - TP. Hồ Chí Minh	64	30	1183
THA.79.778.00006	THPT Tạ Quang Bửu	THPT	8	909 Tạ Quang Bửu - Phường 5 - Quận 8 - Quận 8 - TP. Hồ Chí Minh	79	41	1716
THA.79.776.00021	THPT TỈH-THCS-THPT Nam Mỹ	THPT	8	23 đường 1011 Phạm Thế Hiển - Quận 8 - TP. Hồ Chí Minh	22	7	100
THA.79.763.00019	THPT HOA SEN	THPT	9	26 Phan Chu Trinh - P. Hiệp Phú - Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh	0	0	0
THA.79.776.00009	THPT LONG TRƯỜNG	THPT	9	309 Võ Văn Hát, Khu phố Phước Hiệp, phường Long Trường - Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh	62	26	1050
THA.79.763.00020	THPT Ngô Thời Nhiệm	THPT	9	65D Hồ Bá Phán, P. Phước Long A - Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh	20	2	50
THA.79.776.00010	THPT Nguyễn Huệ	THPT	9	Nguyễn Văn Tăng - Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh	102	40	1612
THA.79.776.00011	THPT Nguyễn Văn Tăng	THPT	9	Đường Số 1, Phường Long Bình, Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh	55	24	40
THA.79.776.00008	THPT PHƯỚC LONG	THPT	9	Kp6 Phước Long B Quận 9 - TP. Hồ Chí Minh	0	0	0
THA.79.771.00017	THPT - THCS Duy Tân	THPT	10	106 Nguyễn Gian Thanh - Phường 15 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh	2	1	0

THA.79.772.00009	THPT DIỄN HỒNG	THPT	10	11 Thành Thái - Phường 14 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh	76	36	1394
THA.79.772.00005	THPT Nguyễn An Ninh	THPT	10	93 Trần Nhân Tôn - Quận 10 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh	80	46	1949
THA.79.772.00007	THPT Nguyễn Du	THPT	10	Số 3 - Đồng Nai - Phường 15 - Quận 10 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh	110	42	55
THA.79.772.00006	THPT Nguyễn Khuyến	THPT	10	50 Thành Thái - Phường 12 - Quận 10 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh	103	53	2355
THA.79.772.00008	THPT Trương Nguyệt Anh	THPT	10	249 Hòa Hảo - P3 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh	80	80	44
THA.79.771.00018	THPT Vạn Hạnh	THPT	10	781E Lê Hồng Phong (nd) F12 - Quận 10 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh	30	20	563
THA.79.761.00003	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	THPT	11	269/8 Nguyễn Thị Nhỏ, P16, Quận 11 - TP. Hồ Chí Minh	80	45	1993
THA.79.761.00002	THPT Nguyễn Hiền	THPT	11	3 Dương Đình Nghệ - Phường 8 - Quận 11 - TP. Hồ Chí Minh	80	42	1210
THA.79.772.00017	THPT Trần Nhân Tông	THPT	11	66 - Tân Hòa - Phường 1 - Quận 11 - TP. Hồ Chí Minh	32	5	150
THA.79.761.00004	THPT Trần Quang Khải	THPT	11	343D Lạc Long Quân - P5 - Quận 11 - TP. Hồ Chí Minh	52	36	1573
THA.79.772.00018	THPT Trần Quốc Tuấn	THPT	11	236/10-12 Thái phiên, Phường 8, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh	3	0	0
THA.79.772.00019	THPT Trương Vĩnh Ký	THPT	11	21 Trịnh Đình Trọng - P.5 - Quận 11 - TP. Hồ Chí Minh	121	68	2322
THA.79.761.00018	THPT BẠCH ĐĂNG	THPT	12	53/1, Phan Văn Hớn, Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM - Quận 12 - Quận 12 - TP. Hồ Chí Minh	18	7	0
THA.79.761.00019	THPT Hoa Lư	THPT	12	201 Phan Văn Hớn - Quận 12 - TP. Hồ Chí Minh	12	0	0
THA.79.761.00020	THPT Lạc Hồng	THPT	12	227/6/5 QL 1A- Trung Mỹ Tây - Quận 12 - Quận 12 - TP. Hồ Chí Minh	33	17	28
THA.79.761.00014	THPT Thanh Lộc	THPT	12	TL30 KP1 Thanh Lộc - Quận 12 - TP. Hồ Chí Minh	69	1	0
THA.79.761.00023	THPT THPT Võ Trường Toản	THPT	12	Đường HT27, Phường Hiệp Thành - Quận 12 - Quận 12 - TP. Hồ Chí Minh	93	17	50

THA.79.761.00015	THPT Trường Chinh	THPT	12	1, DN11, Tân Hưng Thuận - Quận 12 - TP. Hồ Chí Minh	105	54	2227
THA.79.785.00001	THPT Bình Chánh	THPT	Bình Chánh	D17/1D Huỳnh Văn Trí - Ấp 4 - Xã Bình Chánh - Huyện Bình Chánh - TP. Hồ Chí Minh	93	41	1650
THA.79.785.00005	THPT Đa Phước	THPT	Bình Chánh	D14/410A xã Đa Phước - Bình Chánh - TP. Hồ Chí Minh	71	30	116
THA.79.785.00004	THPT Lê Minh Xuân	THPT	Bình Chánh	G11/1 ấp 1 - Bình Chánh - Bình Chánh - TP. Hồ Chí Minh	88	48	1133
THA.79.785.00002	THPT Tân Túc	THPT	Bình Chánh	C5/3K, KP 3, TT Tân Túc - Bình Chánh - TP. Hồ Chí Minh	55	27	1244
THA.79.785.00003	THPT Vĩnh Lộc B	THPT	Bình Chánh	ấp 1 khu dân cư vĩnh lộc b- Xã Vĩnh Lộc B - Bình Chánh - Bình Chánh - TP. Hồ Chí Minh	25	10	345
THA.79.777.00005	THPT An Lạc	THPT	Bình Tân	S95 Kinh Dương Vương, P An Lạc - Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh	90	40	1467
THA.79.777.00003	THPT Bình Tân	THPT	Bình Tân	117/4H Hồ Văn Long Phường Tân Tạo - Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh	66	9	387
THA.79.777.00002	THPT BINHHUNGHOA	THPT	Bình Tân	TP. Hồ Chí Minh	51	51	0
THA.79.777.00022	THPT Chu Văn An	THPT	Bình Tân	Số 7, Đường số 1, KP1, Phường Bình Hưng Hòa - Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh	22	6	157
THA.79.777.00019	THPT HÀM NGHI	THPT	Bình Tân	913/3 QUỐC LỘ 1A - PHƯỜNG AN LẠC - Bình Tân - Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh	6	2	0
THA.79.777.00020	THPT NGÔI SAO	THPT	Bình Tân	khu dân cư An Lạc, Bình Trị Đông B - Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh	46	10	373
THA.79.777.00004	THPT Nguyễn Hữu Cánh	THPT	Bình Tân	845 Hương Lộ 2 BTĐ A - Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh	84	6	262
THA.79.777.00021	THPT Phan Châu Trinh	THPT	Bình Tân	12 đường 23, Phường Bình Trị Đông B - Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh	41	15	52
THA.79.777.00001	THPT Vĩnh Lộc	THPT	Bình Tân	87 Đường Số 3, Bình Hưng Hòa B - Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh	63	27	45
THA.79.765.00024	THPT ĐÔNG ĐÓ	THPT	Bình Thạnh	12B Nguyễn Hữu Cánh P.19 - Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	10	2	25
THA.79.765.00007	THPT GIA ĐỊNH	THPT	Bình Thạnh	195/29 Xô Viết Nghệ Tĩnh P.17 - Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	135	24	1116

THA.79.765.00004	THPT Hoàng Hoa Thám	THPT	Bình Thạnh	6 Hoàng Hoa Thám - P7 - Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	80	51	2372
THA.79.765.00008	THPT Phan Đăng Lưu	THPT	Bình Thạnh	27-29 Nguyễn Văn Đậu - Phường 6 - Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	93	11	0
THA.79.765.00027	THPT QUANG TRUNG - NGUYỄN HUỆ	THPT	Bình Thạnh	223 Nguyễn Tri Phương - Phường 9 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh	16	13	31
THA.79.765.00005	THPT Thanh Đa	THPT	Bình Thạnh	Cạnh lô G c/x Thanh Đa, phường 27 - Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	63	0	0
THA.79.765.00003	THPT TRẦN VĂN GIÀU	THPT	Bình Thạnh	203/40 Đường Trục - P.13 - Quận.Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	75	44	2903
THA.79.765.00006	THPT Võ Thị Sáu	THPT	Bình Thạnh	95 Đinh Tiên Hoàng P3 - Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	81	36	696
THA.79.783.00016	THPT An Nghĩa	THPT	Cần Giờ	Đường Tam Thôn Hiệp, Ấp An Nghĩa, Xã An Thới Đông, Huyện Cần Giờ,	53	27	1552
THA.79.783.00026	THPT Bình Khánh	THPT	Cần Giờ	Bình An - Bình Khánh - Cần Giờ - TP. Hồ Chí Minh	46	16	561
THA.79.783.00018	THPT Cần Thạnh	THPT	Cần Giờ	đường Duyên Hải - Cần Giờ - Cần Giờ - TP. Hồ Chí Minh	47	19	744
THA.79.787.00015	THPT Dương Văn Dương	THPT	Nhà Bè	39 đường số 6 - KDC Phú Gia - ấp 2 - xã Phú Xuân - huyện Nhà Bè - TP. Hồ	18	9	572
THA.79.787.00014	THPT Long Thới	THPT	Nhà Bè	280 Nguyễn Văn Tạo ấp 2 xã Long Thới Nhà Bè - TP. Hồ Chí Minh	67	28	950
THA.79.787.00016	THPT Phước Kiển	THPT	Nhà Bè	63 Đào Sư Tích, Ấp 3, xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè - Cần Giờ - Cần Giờ - TP. Hồ Chí Minh	55	21	789
THA.79.776.00015	THPT An Nhơn Tây	THPT	Củ Chi	227 - Tỉnh lộ 7 - Xã An Nhơn Tây - Củ Chi - TP. Hồ Chí Minh	54	24	887
THA.79.776.00012	THPT Củ Chi	THPT	Củ Chi	KP1 - Củ Chi - TP. Hồ Chí Minh	108	47	1831
THA.79.776.00018	THPT PHÚ HÒA	THPT	Củ Chi	số 25-Huỳnh Thị Bồng, Ấp Phú Lợi - Phú Hòa Đông - Củ Chi - TP. Hồ Chí	71	26	1152
THA.79.776.00013	THPT Quang Trung	THPT	Củ Chi	Tỉnh lộ 7 - Ấp Phước An - Xã Phước Thạnh - Củ Chi - TP. Hồ Chí Minh	65	28	992
THA.79.776.00019	THPT tân thông hội	THPT	Củ Chi	suối lợi, ấp bầu sim - Củ Chi - TP. Hồ Chí Minh	66	32	1426

THA.79.763.00012	THPT THIẾU SINH QUÂN	THPT	Cũ Chi	Áp Bến Đình, Xã Nhuận Đức - Củ Chi - TP. Hồ Chí Minh	33	12	289
THA.79.776.00017	THPT Trung Lập	THPT	Cũ Chi	91/3 Trung Lập, Ấp Trung Bình, Xã Trung Lập Thượng - Củ Chi - TP. Hồ Chí Minh	45	15	532
THA.79.776.00016	THPT TRUNG PHU	THPT	Cũ Chi	1318 TỈNH LỘ 8, XÃ TÂN THẠNH ĐÔNG - Củ Chi - Củ Chi - TP. Hồ Chí Minh	80	37	1450
THA.79.764.00031	THCS - THPT Âu Lạc	THPT	Gò Vấp	647 Nguyễn Oanh - Phường 17 - Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	22	15	321
THA.79.764.00034	THPT Gò Vấp	THPT	Gò Vấp	90A Nguyễn Thái Sơn - Phường 3 - Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	92	91	89
THA.79.764.00035	THPT HERMANNMEINER	THPT	Gò Vấp	Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	19	9	45
THA.79.764.00009	THPT NGUYỄN CÔNG TRÚ	THPT	Gò Vấp	97 Quang Trung, F 8 - Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	125	63	2798
THA.79.764.00010	THPT Nguyễn Trung Trực	THPT	Gò Vấp	9/168 Lê Đức Thọ - Phường 15 - Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	93	48	2203
THA.79.764.00030	THPT PHẠM NGŨ LÃO	THPT	Gò Vấp	69/11, Phạm Văn Chiêu, phường 14 - Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	35	1	30
THA.79.764.00028	THPT Phùng Hưng	THPT	Gò Vấp	1278 Quang Trung, Phường 14 - Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	3	1	0
THA.79.764.00033	THPT TH-THCS và THPT ĐẠI VIỆT	THPT	Gò Vấp	521 - Lê Đức Thọ Phường 16 - Gò Vấp - Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	20	6	33
THA.79.764.00011	THPT Trần Hưng Đạo	THPT	Gò Vấp	88/955E Lê Đức Thọ - Gò Vấp - TP. Hồ Chí Minh	109	60	2675
THA.79.784.00002	THPT Bà Điểm	THPT	Học Môn	Nguyễn Thị Sóc, Ấp Bắc Lân, Xã Bà Điểm - Học Môn - TP. Hồ Chí Minh	97	40	1988
THA.79.784.00006	THPT Lý Thường Kiệt	THPT	Học Môn	Thới Tam Thôn - Học Môn - TP. Hồ Chí Minh	81	37	1850
THA.79.784.00005	THPT Nguyễn Hữu Cẩu	THPT	Học Môn	07- Nguyễn Ảnh Thủ - Trung Chánh - Học Môn - TP. Hồ Chí Minh	45	41	1540
THA.79.784.00004	THPT NGUYỄN HỮU TIẾN	THPT	Học Môn	9A, ấp 7, xã Đông Thạnh - Học Môn - TP. Hồ Chí Minh	72	72	0
THA.79.784.00003	THPT Nguyễn Văn Cừ	THPT	Học Môn	100A ấp 6, xã Xuân Thới Thượng - Học Môn - TP. Hồ Chí Minh	81	32	1228
THA.79.784.00021	THPT PHẠM VĂN SÁNG	THPT	Học Môn	26/1, ấp 3 - Học Môn - TP. Hồ Chí Minh	95	41	1648

THA.79.768.00015	THCS - THPT Hồng Hà	THPT	Phú Nhuận	72 Trương Quốc Dung - P.10 - Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh	116	111	1142
THA.79.768.00007	THPT Hàn Thuyên	THPT	Phú Nhuận	37 Đặng Văn Ngữ - phường 10 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh	98	1	40
THA.79.768.00005	THPT Phú Nhuận	THPT	Phú Nhuận	5 Hoàng Minh Giám - P.9 - Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh	3	2	0
THA.79.768.00017	THPT Quốc Tế	THPT	Phú Nhuận	305 Nguyễn Trọng Tuyển Phường 10 - Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh	20	2	22
THA.79.768.00014	THCS và THPT Việt Mỹ	THPT	Phú Nhuận	126D Phan Đăng Lưu - Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh	2	0	0
THA.79.768.00016	THPT Việt Anh	THPT	Phú Nhuận	269A Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10 - Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh	20	20	0
THA.79.766.00026	THCS & THPT Thái Bình	THPT	Tân Bình	10 Trương Hoàng Thanh - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	67	16	471
THA.79.766.00031	THPT, TH, THCS Thanh Bình	THPT	Tân Bình	192/16 Nguyễn Thái Bình, P.12 - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	20	1	0
THA.79.766.00025	THCS - THPT Việt Thanh	THPT	Tân Bình	261 Cộng hòa - P.13 - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	20	20	0
THA.79.766.00028	THPT BÁC ÁI	THPT	Tân Bình	187 Gò Cẩm Đệm - P.10 - Q. Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	1	1	0
THA.79.766.00021	THPT Hai Bà Trưng	THPT	Tân Bình	51/4 Nguyễn Thị Nhỏ, Phường 9 - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	3	1	0
THA.79.766.00008	THPT LÝ TỰ TRỌNG	THPT	Tân Bình	390 Hoàng Văn Thụ - P4 - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	49	30	815
THA.79.766.00005	THPT Nguyễn Chí Thanh	THPT	Tân Bình	1A Nguyễn Hiến Lê, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.HCM	93	44	1757
THA.79.766.00007	THPT Nguyễn Thái Bình	THPT	Tân Bình	913-915 Lý Thường Kiệt, Phường 9 - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	94	44	156
THA.79.766.00006	THPT Nguyễn Thượng Hiền	THPT	Tân Bình	544 Cách Mạng Tháng Tám, 5 - Tân Bình - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	140	48	1946
THA.79.766.00030	THPT THÁI BÌNH DƯƠNG	THPT	Tân Bình	125 Bạch Đằng - Phường 2 - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	6	1	10
THA.79.766.00022	THPT Thủ Khoa Huân	THPT	Tân Bình	481/8 Trường Chinh - Phường 14 - Tân Bình - Tân Bình - TP. Hồ Chí Minh	19	1	0

THA.79.767.00023	THPT An Dương Vương	THPT	Tân Phú	51/4 Hòa Bình - Tân Thới Hòa - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	2	1	10
THA.79.767.00030	THPT Đinh Tiên Hoàng	THPT	Tân Phú	85 Chế Lan Viên - Tây Thạnh - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	37	9	194
THA.79.767.00020	THPT ĐỒNG Á	THPT	Tân Phú	234 Tân Hương - Tân Quý - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	17	3	50
THA.79.767.00034	THPT Hòa Bình	THPT	Tân Phú	69 Trịnh Đình Thảo - Phường Hòa Thạnh - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	20	2	50
THA.79.767.00031	THPT Hồng Đức	THPT	Tân Phú	08 Hồ Đắc Di - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	24	3	0
THA.79.767.00032	THPT Khai Minh	THPT	Tân Phú	410 Tân Kỳ Tân Quý - Sơn Kỳ - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	14	0	0
THA.79.767.00028	THPT Nhân Văn	THPT	Tân Phú	17 Sơn Kỳ, P. Sơn Kỳ - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	17	17	43
THA.79.767.00021	THPT Nhân Việt	THPT	Tân Phú	39-41 Đoàn Hồng Phước-Hòa Thạnh - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	4	1	35
THA.79.767.00024	THPT QUỐC VĂN SÀI GÒN	THPT	Tân Phú	300 Hoà Bình, P. Hiệp Tân - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	20	0	0
THA.79.767.00004	THPT TÂN BÌNH	THPT	Tân Phú	97/11 - Nguyễn Cửu Đàm - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	105	1	92
THA.79.767.00033	THPT Tân Phú	THPT	Tân Phú	519, Kênh Tân Hóa - Hòa Thạnh - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	20	17	0
THA.79.767.00003	THPT TAYTHANH	THPT	Tân Phú	- 27 C2 - P. TÂY THẠNH - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	88	5	2159
THA.79.767.00027	THPT THCS, THPT Nam Việt	THPT	Tân Phú	25 Dương Đức Hiền, P. Tây Thạnh - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	1	1	30
THA.79.767.00018	THPT TRẦN CAO VẤN	THPT	Tân Phú	247 Tân Kỳ Tân Quý - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	0	0	0
THA.79.767.00005	THPT Trần Phú	THPT	Tân Phú	18 Lê Thúc Hoạch, P. Phú Thọ Hòa - Q. Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	146	59	2877
THA.79.767.00019	THPT Trần Quốc Toản	THPT	Tân Phú	208 - 210 Lê Thúc Hoạch - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	18	0	0
THA.79.767.00029	THPT TRÍ ĐỨC	THPT	Tân Phú	1333A Thoại Ngọc Hầu- Tây Thạnh - Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	2	1	30
THA.79.762.00021	THPT BÁCH VIỆT	THPT	Thủ Đức	653 Quốc lộ 13, Hiệp Bình Phước - Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh	12	2	0

THA.79.762.00023	THPT Đào Sơn Tây	THPT	Thủ Đức	53/5 Đường 10 - Linh Xuân - Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh	48	21	76
THA.79.762.00020	THPT ĐỒNG DƯƠNG	THPT	Thủ Đức	114/37/12E, Đường số 10 (Cây Trâm) - P.9 - GÒ VẤP - TP. Hồ Chí Minh	2	1	22
THA.79.762.00005	THPT Hiệp Bình	THPT	Thủ Đức	63 đường Hiệp Bình, khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước - quận Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh	93	41	1768
THA.79.762.00003	THPT Nguyễn Hữu Huân	THPT	Thủ Đức	11 - Đoàn Kết - Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh	113	50	2047
THA.79.762.00004	THPT TAM PHÚ	THPT	Thủ Đức	Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh	88	36	0
THA.79.762.00002	THPT Thủ Đức	THPT	Thủ Đức	166/24 Đặng Văn Bi - Quận Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh	117	52	2133

Số trường THPT đăng nhập tài khoản

160 193

Số trường chưa đăng nhập tài khoản

33

Số trường chỉ đăng nhập, chưa cấp tài khoản cho giáo viên

4 T Tây Úc, THPT HOA SEN, THPT TRẦN CAO VÂN.

Số trường cấp dưới 10 tài khoản cho Giáo viên

17 THCS & THPT Phan Bội Châu, THPT Sao Việt, THPT - THCS Duy Tân, THPT Trần Quốc Tuấn, THPT Phùng Hưng, THCS và THPT Việt Mỹ, THPT THPT Mạc Đĩnh Chi, THPT Phú Nhuận, THPT Thực Hành Sài Gòn